

<p>C- <u>Củng cố – dẫn dò</u> 3 -4 ‘</p>	<p>GV ghi nhanh vào 2 cột trên bảng. -Nhận xét khen ngợi những HS thực hiện tốt * Nêu lại tên ND bài học ? -Nhận xét tiết học. -Dặn HS về nhà dựa vào kết quả quan sát hoàn thành 2 đoạn văn miêu tả hình dáng và hoạt động của con chó hoặc con mèo và chuẩn bị sau.</p>	<p>-Ghi những từ ngữ hay vào vở dàn bài. * 2 – 3 HS nhắc lại - Về chuẩn bị</p>
---	---	---

Tiết

Toán

Bài : Ứng dụng của tỉ lệ bản đồ.

I. Mục tiêu.

Giúp HS .

- Biết tính độ dài thực trên mặt đất từ độ dài thu nhỏ và tỉ lệ bản đồ.

II. Chuẩn bị.

- Bản đồ trường mầm non xã Thắng lợi.

III. Các hoạt động dạy – học chủ yếu.

ND- T/ Lượng	Hoạt động Giáo viên	Hoạt động Học sinh
<p>A – <u>Kiểm tra bài cũ</u> : 3 -4’</p> <p>B- <u>Bài mới</u> : * Giới thiệu bài:2 – 3’</p> <p><u>Hoạt động 1:</u> -Giới thiệu bài toán 1.</p>	<p>* Gọi HS lên bảng làm bài. -Nhận xét ghi điểm.</p> <p>* Nêu Mục đích yêu cầu tiết học Ghi bảng</p> <p>* Treo bản đồ trường mầm non xã Thắng Lợi. -HD giải. +Trên bản đồ, độ rộng của cổng trường thu nhỏ là mấy cm? + Bản đồ Trường mầm non xã Thắng lợi vẽ theo tỉ lệ nào?</p>	<p>* 2HS lên bảng làm bài theo yêu cầu: - 1 em nêu bài tập 1/155 -Nhận xét bài làm của bạn. * 2 -3 HS nhắc lại .</p> <p>* Quan sát bản đồ trường mầm non.</p> <p>- Trên bản đồ, độ rộng của cổng trường thu nhỏ là 2cm + Tỉ lệ: 300</p>

<p>Giới thiệu bài toán 2.</p> <p><u>Hoạt động 2:</u> HD luyện tập</p> <p><u>Bài 1:</u> Làm bảng phụ</p>	<p>-1cm trên bản đồ ứng với tỉ lệ thật trên thực tế là bao nhiêu? -2cm ?</p> <p>-Nhận xét sửa bài.</p> <p>* Gọi HS đọc yêu cầu BT. -HD HS thực hiện như bài toán 1.</p>	<p>1cm trên bản đồ ứng với độ dài thực trên thực tế là: 300cm. - 2cm ứng với: $2 \times 300 = 600$ - Như hình SGK.</p> <p style="text-align: center;">Bài giải</p> <p style="text-align: center;">Chiều rộng thật của cổng trường là: $2 \times 300 = 600$ (cm) $600 \text{ cm} = 6\text{m}$ Đáp số: 6 m</p> <p>-Nhận xét bài làm trên bảng. * 1HS đọc đề bài. -Thực hiện theo yêu cầu.</p> <p style="text-align: center;">Bài giải</p> <p style="text-align: center;">Quãng đường ... là $102 \times 1000000 = 102000000$ $102000000 = 102 \text{ km}$ Đáp số: 102 km</p>														
	<p>-Nhận xét chữa bài và KL. * Gọi HS đọc yêu cầu. GV treo bảng phụ . - Gọi HS đọc cột 1. +Độ dài trên bản đồ là bao nhiêu? -Vậy điền mấy vào ô thứ nhất? - Yêu cầu cả lớp làm vở . 1 em lên bảng làm bảng phụ .</p>	<p>-Nhận xét sửa. * 1HS đọc yêu cầu. - Quan sát . - 1HS đọc. + là 2cm</p> <p>$2\text{cm} \times 500\,000 = 1000\,000$ - Lớp làm bài vào vở. 1 em làm bảng phụ .</p>														
	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 25%;">Tỉ lệ bản đồ</td> <td style="width: 25%;">1: 500 000</td> <td style="width: 25%;">1: 15 000</td> <td style="width: 25%;">1: 2000</td> </tr> <tr> <td>Độ dài thu nhỏ</td> <td>2 cm</td> <td>3 dm</td> <td>50 mm</td> </tr> <tr> <td>Độ dài thật</td> <td><i>100 0000cm</i></td> <td><i>45 000dm</i></td> <td><i>100 000mm</i></td> </tr> </table>	Tỉ lệ bản đồ	1: 500 000	1: 15 000	1: 2000	Độ dài thu nhỏ	2 cm	3 dm	50 mm	Độ dài thật	<i>100 0000cm</i>	<i>45 000dm</i>	<i>100 000mm</i>			
	Tỉ lệ bản đồ	1: 500 000	1: 15 000	1: 2000												
Độ dài thu nhỏ	2 cm	3 dm	50 mm													
Độ dài thật	<i>100 0000cm</i>	<i>45 000dm</i>	<i>100 000mm</i>													
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 25%;">Tỉ lệ bản đồ</td> <td style="width: 25%;">1: 500 000</td> <td style="width: 25%;">1: 15 000</td> <td style="width: 25%;">1: 2000</td> </tr> <tr> <td>Độ dài thu nhỏ</td> <td>2 cm</td> <td>3 dm</td> <td>50 mm</td> </tr> <tr> <td>Độ dài thật</td> <td><i>100 0000cm</i></td> <td><i>45 000dm</i></td> <td><i>100 000mm</i></td> </tr> </table>	Tỉ lệ bản đồ	1: 500 000	1: 15 000	1: 2000	Độ dài thu nhỏ	2 cm	3 dm	50 mm	Độ dài thật	<i>100 0000cm</i>	<i>45 000dm</i>	<i>100 000mm</i>				
Tỉ lệ bản đồ	1: 500 000	1: 15 000	1: 2000													
Độ dài thu nhỏ	2 cm	3 dm	50 mm													
Độ dài thật	<i>100 0000cm</i>	<i>45 000dm</i>	<i>100 000mm</i>													

<p>Bài 2: Giải vở .</p>	<p>-Nhận xét chấm một số bài. * Gọi HS đọc yêu cầu. Hướng dẫn giải . - Yêu cầu HS giải vở .</p>	<p>- Cả lớp nhận xét chữa bài. * 1HS đọc yêu cầu. - 1HS lên bảng làm bài, HS làm vào vở. <u>Bài giải</u> Chiều dài thật của phòng $4 \times 200 = 800$ (cm) $800 \text{ cm} = 8\text{m}$ <u>Đáp số:</u> 8m</p>
<p>Bài 3: Làm vở</p>	<p>-Nhận xét ghi điểm . Dành cho HS giỏi * Gọi HS đọc đề bài. Thực hiện tương tự bài tập 1.</p>	<p>- Nhận xét bài làm của bạn trên bảng. * 1HS đọc đề bài. -Tự làm bài vào vở. <u>Bài giải</u> Độ dài thật quảng đường ... là : $27 \times 2500000 = 67500000$(cm) <u>Đáp số :</u> 67 500 000 cm</p>
<p>C- <u>Củng cố</u> – <u>dặn dò</u> 3 -4 ‘</p>	<p>-GV đi chấm một số bài. * Nêu lại tên ND bài học ? -Nhận xét tiết học. -Nhắc HS về tập làm các bài tập liên quan về tỉ lệ của bản đồ.</p>	<p>- Đổi chéo vở kiểm tra cho nhau. - 1HS đọc bài làm của mình. - Cả lớp nhận xét sửa bài. * 2 – 3 HS nhắc lại - Về chuẩn bị</p>

Tiết

Toán

Bài : Ứng dụng của tỉ lệ bản đồ (tiếp theo)

I. Mục tiêu:

- Biết cách tính độ dài thu nhỏ trên bản đồ dựa vào độ dài thật và tỉ lệ.
- Nắm và ứng dụng trong thực tế ,

II- Đồ dùng dạy học :

- Bảng phụ vẽ sẵn hình vẽ phần tìm hiểu .
- Phiếu bài tập cho BT1

II. Các hoạt động dạy học – chủ yếu.

ND- T/ Lượng	Hoạt động Giáo viên	Hoạt động Học sinh
<p>A – Kiểm tra bài cũ : 3 -4’</p> <p>B- Bài mới : * Giới thiệu bài: 2 – 3’</p> <p>Hoạt động 1: HD giải bài toán 1.</p> <p>HD HS giải bài toán 2.</p> <p>Hoạt động 3: Luyện tập. Bài 1:</p>	<p>* Gọi HS lên bảng, yêu cầu các em làm bài tập đã giao về nhà ở tiết trước.</p> <p>-Nhận xét chung.</p> <p>* Nêu Mục đích yêu cầu tiết học</p> <p style="text-align: center;">Ghi bảng</p> <p>* Treo bảng phụ.</p> <p>-Khoảng cách giữa hai điểm A và B trên sân trường dài bao nhiêu m? Bản đồ được vẽ theo tỉ lệ nào? -Bài tập yêu cầu em tính gì? -Làm thế nào để tính được? -Khi thực hiện lấy độ dài thật chia cho 500 cần chú ý điều gì?</p> <p>-Nhận xét ghi điểm.</p> <p>* Gọi HS đọc đề bài.</p> <p>-Bài toán cho em biết điều gì? -Bài toán hỏi gì?</p> <p>-Nhắc HS khi tính đơn vị đo của quãng đường thật và quãng đường thu nhỏ phải đồng nhất.</p> <p>-Nhận xét chữa bài cho HS.</p> <p>* Gọi HS đọc đề bài.</p> <p>- Phát phiếu học tập</p>	<p>* 2HS lên bảng làm bài. -1HS làm bài tập 1/157 -1 HS làm bài 2/ 157 -Cả lớp theo dõi ,nhận xét. * Nhắc lại tên bài học.</p> <p>* 1HS đọc bài.</p> <p>-Khoảng cách giữa hai điểm A và B là 20m.</p> <p>-Tỉ lệ là 500 Tính hai điểm A và B trên bản đồ. -Đổi ra đơn vị đo xăng ti mét. -1HS lên bảng làm bài, lớp làm bài vào vở.</p> <p style="text-align: center;"><u>Bài giải</u> 20m = 2000 cm Khoảng cách giữa hai điểm A và B trên bản đồ là $2000 : 500 = 4(\text{cm})$ <u>Đáp số:</u>4cm.</p> <p>-Nhận xét sửa bài.</p> <p>* 1HS đọc đề bài toán.</p> <p>-Nêu: +Quãng đường và tỉ lệ của bản đồ. +Quãng đường trên bản đồ. -HS tự làm bài vào vở.</p> <p>-Nghe. <u>Bài giải</u> $41 \text{ km} = 41\,000\,000 \text{ m}$ Quãng đường ... trên bản đồ là $41\,000\,000 : 1\,000\,000 = 41 (\text{mm})$ <u>Đáp số:</u> 41 mm</p> <p>* 1HS đọc đề bài.</p> <p>- Nhận phiếu .</p>

<p>Làm bài vào phiếu BT</p> <p>Bài 2: Làm vở .</p> <p>Bài 3: Làm vở .</p> <p>C- Củng cố – dẫn dò 3 -4 ‘</p>	<p>-Hãy đọc tỉ lệ trên bản đồ. +Độ dài thật là bao nhiêu km? +Độ dài trên bản đồ là bao nhiêu? -Vây điền mấy vào ô thứ nhất? -Yêu cầu HS tự làm bài vào phiếu cá nhân. - Gọi một số em nêu kết quả . - GV cùng HS nhận xét , chốt kết quả đúng . * Gọi HS đọc đề bài. Hướng dẫn giải . Yêu cầu HS làm vở . Gọi 1 em lên bảng giải .</p> <p>-Nhận xét chấm một số bài. Dành cho HS giỏi * Gọi HS đọc đề bài. Bài toán cho biết gì? Bài toán hỏi gì? -Yêu cầu HS làm bài vào vở . phát phiếu khổ lớn cho 1 em làm . -Theo dõi giúp đỡ HS yếu.</p> <p>-Nhận xét sửa bài. * Nêu lại tên ND bài học ? -Nhận xét tiết học. -Nhắc HS về nhà làm bài tập thêm.</p>	<p>-2 HS đọc. - 5 km, 25 m ; 2 m ;</p> <p>- Yêu cầu HS làm bài cá nhân trên phiếu . -Một số em nêu kết quả</p> <p>-Nhận xét chữa bài. * 1HS lên bảng làm, lớp làm bài vào vở.</p> <p style="text-align: center;"><u>Bài giải</u> 12 km = 12 00000 cm Quãng đường từ ... trên bản đồ là: $12\ 00000 : 100000 = 12\text{ (cm)}$ <u>Đáp số:</u> 12 cm</p> <p>-Nhận xét sửa bài.</p> <p>* 1HS đọc đề bài. - HS nêu (dựa vào bài toán) -1HS lên bảng, lớp làm bài vào vở.</p> <p style="text-align: center;"><u>Bài giải</u> 15 m = 1500 cm; 10m = 1000 cm. Chiều dài HCN trên bản đồ là $1500 : 500 = 3\text{ (cm)}$ Chiều rộng của hình chữ nhật là $1000 : 500 = 2\text{(cm)}$ <u>Đáp số:</u> Chiều dài: 3 cm Chiều rộng: 2 cm</p> <p>* 2 – 3 HS nhắc lại - Về chuẩn bị</p>
--	---	--

Tiết

Luyện từ và câu

Bài : Câu cảm.

I Mục tiêu:

-Nắm được cấu tạo và tác dụng của câu cảm (ND Ghi nhớ).

-Biết chuyển câu kể đã cho thành câu cảm (BT1, mục III), bước đầu đặt được câu cảm theo tình huống cho trước (BT2), nêu được cảm xúc bộc lộ qua câu cảm (BT3).

II Đồ dùng dạy học.

-Bảng lớp viết sẵn các câu cảm ở BT1

-Một vài tờ giấy khổ to để các nhóm thi làm BT2

III Các hoạt động dạy học.

ND- T/ Lượng	Hoạt động Giáo viên	Hoạt động Học sinh
<p>A – Kiểm tra bài cũ : 3 -4’</p> <p>B- Bài mới : * Giới thiệu bài: 2 – 3’</p> <p><u>Hoạt động 1:</u> Tìm hiểu ví dụ Bài 1,2,3</p> <p><u>Hoạt động 2:</u> Rút ra Ghi nhớ.</p> <p><u>Hoạt động 3:</u> Luyện tập</p> <p><u>Bài 1:</u> Nêu miệng</p>	<p>* Gọi HS đọc đoạn văn viết về du lịch hoặc thám hiểm. -Nhận xét, cho điểm từng HS.</p> <p>* Nêu Mục đích yêu cầu tiết học Ghi bảng</p> <p>* Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung ở bài 1. H: hai câu văn trên dùng để làm gì?</p> <p>-Cuối các câu văn trên có dấu gì? +KL: Câu cảm là câu dùng để bộc lộ cảm xúc: vui mừng, thán phục, đau xót ngạc nhiên...</p> <p>* Gọi HS đọc phần ghi nhớ.</p> <p>-GV yêu cầu: Em hãy đặt một số câu cảm.</p> <p>-Nhận xét, khen ngợi HS hiểu bài nhanh.</p> <p>* Gọi HS đọc yêu cầu bài tập. -Yêu cầu HS tự làm. - Gọi HS nhận xét câu bạn đặt trên bảng. -Gọi HS có cách nói khác đặt câu. -Nhận xét, kết luận lời giải đúng,</p>	<p>* 3 HS đọc đoạn văn đã hoàn chỉnh.</p> <p>* 2 -3 HS nhắc lại .</p> <p>* 1 HS đọc trước lớp.</p> <p>-Dùng để thể hiện cảm xúc ngạc nhiên, vui mừng trước vẻ đẹp của bộ lông mèo.....</p> <p>-Dùng dấu chấm than. -Nghe.</p> <p>* 2 HS tiếp nối nhau đọc thành tiếng cả lớp nhắm theo để thuộc ngay tại lớp. -3-5 HS tiếp nối nhau đặt câu trước lớp.</p> <p>* 1 HS đọc yêu cầu của bài. - 4 HS lên bảng đặt câu. -Nhận xét. - Cả lớp theo dõi nhận xét , bổ sung.</p>

<p>Bài 2: Thảo luận cặp Làm việc trên phiếu .</p>	Câu kể	Câu cảm	
	a/ Con mèo này bắt chuột giỏi thật. b/ Trời rét . c/ Bạn Ngân chăm chỉ . d/ bạn Giang học giỏi .	- Chà (Oi, ...) , con mèo này bắt chuột giỏi thật. - Oi (ôi chao), trời rét quá !/ Chà, trời rét thật! - Bạn Ngân chăm chỉ quá . - Chà , bạn bạn Giang học giỏi ghê !.	- Cả lớp theo dõi nhận xét , bổ sung -Viết vào vở. * 1 HS đọc yêu cầu của bài tập. -2 HS ngồi cùng bàn đọc tình huống...
	* Gọi HS đọc yêu cầu bài tập. -Yêu cầu HS làm việc theo cặp.	Tình huống a Tính huống b	- Trời cậu giỏi thật !. - Bạn thật tuyệt! . - Bạn giỏi quá ! - Bạn siêu quá !. - Oi , cậu cũng nhớ ngày sinh nhật của mình à, thật tuyệt ! - Trời ơi , lâu quá rồi mới gặp cậu !. - Trời bạn làm mình cảm động quá !.
<p>Bài 3 Làm bài cá nhân.</p> <p>C- <u>Củng cố</u> – <u>dẫn dò</u> 3 -4 ‘</p>	-Gọi đại diện một số cặp trình bày kết quả ., GV sửa chữa cho từng HS nếu có lỗi. GV ghi nhanh các câu cảm HS đặt lên bảng. -GV nhận xét bài làm của HS. * Gọi HS đọc yêu cầu bài tập. - Yêu cầu HS làm bài cá nhân. -Gợi ý: Muốn biết câu cảm bộc lộ cảm xúc gì trước hết các em phải đọc đúng giọng..... -Gọi HS phát biểu. -Nhận xét từng tình huống của HS. * Nêu lại tên ND bài học ? -Nhận xét tiết học. -Dặn HS về nhà học thuộc phần ghi nhớ, tập đặt câu cảm hoặc viết 1 đoạn văn ngắn có sử dụng câu cảm và chuẩn bị bài sau.	- Các nhóm khác theo dõi , nhận xét và bổ sung . * 1 HS đọc yêu cầu bài tập. -Nghe. -HS tiếp nối nhau phát biểu ý kiến trước lớp. * 2 – 3 HS nhắc lại - Về chuẩn bị	